



Số :0204/DCVFM.2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

DCVFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND/ Fund name: DCVFMVN DIAMOND ETF
- Mã ccq/Code: FUEVFNVD
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 02/04/2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock		99.42%
1	ACB	10,000	8.18%
2	BMP	300	1.15%
3	CTG	1,500	1.97%
4	FPT	3,200	12.10%
5	GMD	4,300	7.77%
6	HDB	6,500	4.58%
7	KDH	3,400	3.48%
8	MBB	8,400	6.49%
9	MSB	5,800	2.22%
10	MWG	7,200	13.24%
11	NLG	3,500	3.82%
12	OCB	3,400	1.21%
13	PNJ	3,500	9.16%
14	REE	2,000	4.49%
15	TCB	11,400	10.00%
16	TPB	3,300	1.48%
17	VIB	3,600	2.26%
18	VPB	8,200	4.93%
19	VRE	1,400	0.88%
II.	Tiền/ Cash (VND)	18,410,711	0.58%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 3,167,185,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 3,185,595,711

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 18,410,711

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
ACB	28,655	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

GMD	63,360	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
MBB	27,060	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
OCB	12,430	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	91,740	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	78,650	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
VIB	22,000	AP/Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 02/04/2025	Kỳ trước/Last period (**) 01/04/2025	Chênh lệch/ Changes
1.Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	5	-5
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued Shares	362,000,000	362,000,000	0
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	31,800	31,840	-40
5.Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	11,547,784,454,072	11,483,183,778,650	64,600,675,422
của một lô ETF/per Creation Unit	3,185,595,711	3,170,398,613	15,197,098
của một chứng chỉ quỹ/per Share	31,855.95	31,703.98	151.97
6.Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	2,183.22	2,191.18	-7.96

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 01/04/2025/(*) The criteria #5 is represented by NAV as at 01/04/2025

(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 31/03/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 31/03/2025



Lê Hoàng Anh

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 03/04/2025